

ĐẠI BÁT-NIẾT-BÀN KINH SỚ

QUYỂN 6

PHẨM 3: AI THÁN (PHẦN CUỐI)

Lại nữa, theo văn trên thì mặt đất dụ cho Phật bảo, cỏ thuốc trên núi cao dụ cho Pháp bảo, để chúng sinh sử dụng là dụ cho Tăng bảo. Kế là hợp văn. Nói: “Pháp ta cũng như thế” là Phật; “sinh ra cam lộ” là pháp; “vì chúng sinh” là Tăng.

- Giải thích tạng bí mật:

Từ câu: “Thế nào gọi là v.v...” trở xuống là giải thích khác, kể đó y văn giải thích.

Các sư Địa luận cho rằng thức A-lại-da còn ở trong vọng hoặc gọi là tạng Bí mật. Các sư Thành Thật cho rằng quả Phật đương lai ở bên ngoài chúng sinh, tất cả chúng sinh đều được quả Phật; lý này thuộc về người, cũng là ở bên trong; tức thời chưa có thì cũng có ở bên ngoài, vì ở ngoài cho nên chẳng phải ở trong, vì ở trong nên chẳng phải ở ngoài, đó là tạng Bí mật. Về Niết-bàn bản hữu, luận rằng trong thân chúng sinh có Phật cũng chẳng phải thân mật có ở bên ngoài, chẳng phải trong thân, chẳng phải ngoài thân mà có, đều chẳng phải là mật; mà chúng sinh tức Phật mới gọi là Mật. Luận này phá hai thuyết ở trước. Như giáo xưa thuyết thì ẩn tức là bí mật, ngăn che gọi nghĩa là Tạng, vô thường ngăn che thường, hữu tướng ngăn che vô tướng, chẳng hiểu che lấp hiểu, khiến thường v.v... ẩn, danh là Bí mật tạng. Như người thân hình tàn phế, như ngoại đạo luận, v.v... các loại thí dụ mà văn sau sẽ giải thích rộng, đó là tạng Bí mật của giáo khi xưa. Nay kinh này khai mở, giống như mặt trăng vắng vặc trong sáng trên hư không, chẳng như giáo xưa. Nhưng vì chánh pháp mầu nhiệm chẳng thể nghĩ bàn, bật danh là tướng, chúng sinh chẳng thể hiểu được, nên gọi là Bí mật. Pháp giới bao trùm, gom giữ tất cả pháp, chẳng thể sử dụng hết, nên gọi là Tạng. Văn sau ghi: “Chẳng dọc chẳng ngang, chẳng chung chẳng riêng là nghĩa của Bí mật. Ba nghĩa này đầy đủ không thiếu là nghĩa của Tạng. Văn

nghĩa thật rõ ràng, đâu như các lời giải thích khác. Nên nói Niết-bàn để phá các Sự, nêu kinh Niết-bàn để phá giáo phương tiện; Gió lớn thổi cuốn mây mù, thì bầu trời lồng lộng trên cao.

Nay giải thích Bí tạng. Văn có ba: 1) Dụ ba điểm; 2) Dụ ba mắt; 3) Hợp với ba đức. Ba văn này luận chung là từ sự nhập lý, ba điểm là Văn tự, đó là y cứ theo ngôn giáo. Ba mắt là thiên nhãn. Đây là y cứ theo hạnh tu; ba đức là thầy của Phật, tức y cứ theo lý. Lại ấn của Phật ấn chứng giáo hạnh. Hễ có ngôn thuyết tương ứng với đó thì gọi là giáo Bí mật, tu tập tương ứng với ấn Phật thì gọi là hạnh Bí mật, chứng đắc tương ứng thì gọi là lý Bí mật. Cho nên y cứ vào ba loại để giải thích Lý, Giáo, Hạnh.

1/ Dụ ba điểm:

Trong ba điểm của chữ Y có nói: “Thế nào là chữ Y mới?” Ở Ấn-Độ có chia ra chữ Y mới và chữ Y cũ. Chữ Y cũ thì ngang dọc lìa nhau. Mượn đây để so sánh, trong đó ngang giống như bốn chấm Hỏa, dọc giống như chấm thủy, mỗi chấm không nối liền nhau. Chẳng phải ngang thì chẳng giống chấm hỏa, chẳng phải dọc thì chẳng giống chấm thủy, phải như tướng trạng của chữ Thổ chữ Thảo trở xuống rất nhỏ nhiệm. Ở nước này vạch nhỏ nối liền nhau, đó là tướng của chữ Y mới. Chữ Y cũ dụ cho ba đức của giáo xưa, Pháp thân vốn có, Bát-nhã tu thành, và vô dư rồi mới là Giải thoát, không còn thân trí; như ba chấm thủy theo chiều dọc mà lìa nhau; nếu y cứ theo thân và trí để phân biệt thì được hữu dư Giải thoát; một thời được ba pháp; mỗi pháp khác nhau như các chấm hỏa nằm ngang, không quan hệ nhau. Còn chữ Y mới là dụ cho ba đức của giáo nay, Pháp thân tức là chiếu, cũng là tự tại, tên là một mà ba, ba mà thể không khác nhau; cho nên chẳng phải ngang, chẳng phải trước, chẳng phải sau, nên chẳng phải dọc. Một tức ba như điểm lớn, ba tức một như vạch nhỏ; ngay nơi ba là một; ngay nơi một là ba; chẳng thể dùng một, ba để nói năng; chẳng thể dùng ba, một để suy nghĩ, nên gọi là không thể nghĩ bàn, không thể nghĩ bàn là chẳng phải ba chẳng phải một, đó gọi là tạng bí mật, như chữ Y thế gian. Câu này là căn bản của kinh, vì hiển bày nghĩa ấy, nên mở rộng sự hỏi đáp, lập thành hai mươi lăm phẩm, mệnh môn vô tận. Nếu không đạt được ý này, thì mê lầm căn bản, lấy gì làm chỗ trở về.

2/ Y cứ theo ba mắt để giải thích.

Ma-hê-thủ-la trụ trên đỉnh cõi Sắc, thống lãnh cõi Đại thiên. Một mặt có ba mắt, ba mắt trên một mặt, chẳng thể nói riêng là một là ba, ngang, dọc, chung, riêng; làm trang nghiêm dung mạo của Ma-hê, đứng

đầu thế giới, chiếu suốt cả Tam thiên. Nếu chẳng ngang dọc thì thành tựu việc trang nghiêm, chủ thế giới, chiếu suốt Tam thiên. Ba đức cũng như thế, nếu là ngang dọc, chung riêng thì chẳng thành bí mật. Chẳng ngang chẳng dọc thì bí mật mới thành.

3/ Y cứ theo ba đức để giải thích Tạng bí mật:

Quả địa có rất nhiều đức, nhưng chỉ nêu ba đức là vì nói lược gồm rộng; thân của Pháp thân chẳng phải sắc chẳng phải vô sắc. Vì chẳng phải sắc, nên chẳng thể thấy theo hình tướng; vì chẳng phải Vô sắc nên chẳng thể dùng tâm suy lường để biết. Dù chẳng phải sắc nhưng hiện sắc khắp mười phương, lớn nhỏ dung nhập, chẳng rộng chẳng hẹp. Vì chẳng phải không phải sắc, nên cũng có thể tìm cầu; làm phát khởi trí tuệ sâu rộng của chúng sinh. Nên biết: “Sắc của Như Lai vô tận”. Đó là đức Pháp thân. Bát-nhã chẳng phải sự hiểu biết, chẳng phải văn tự. Vì chẳng phải sự hiểu biết, nên chẳng thể suy nghĩ, phân biệt; vì chẳng phải văn tự, nên chẳng thể nói năng, viết chép. Lại cũng chẳng phải chẳng hiểu biết, chẳng phải chẳng có văn tự. Vì chẳng phải chẳng hiểu biết, nên chẳng đồng với nguội thân bất trí; vì chẳng phải không có văn tự, nên chẳng đồng với nghiêng về không. Tuy chẳng hiểu biết, nhưng không đâu chẳng thiếu, ba đế cùng khắp là cảnh giới Phật, phạm thánh đều rõ ràng. Tuy chẳng phải văn tự mà đầy đủ Bán, Mãn, thấu suốt các văn tự thế gian, xuất thế gian, thượng thượng xuất thế gian, lưu trú khắp thế giới như sông dài biển rộng, không thể cùng tận. Kinh Tịnh Danh ghi: “Chỉ dùng một âm giảng nói pháp, chúng sinh tùy loại đều hiểu được, đều cho rằng Đức Thế Tôn dùng tiếng mình, đó là thần lực pháp Bất cộng”, tức là đức Bát-nhã. Giải thoát, tức chẳng động chẳng tịnh, chẳng buộc chẳng thoát. Vì chẳng buộc nên năm trụ chẳng trôi được, vì chẳng thoát, nên mười trí chẳng thể làm rộng không. Chẳng thoát mà thoát, hai bên chẳng thể gò bó; như thuyết trong một trăm câu Giải thoát. Chẳng buộc mà buộc, tức là bị những kẻ ngu si, tà chấp, Nhất-xiển-đề, ngoại đạo trôi buộc. Nên hiện ra hạnh bệnh, hạnh trở thơ, trụ nơi Thủ-lăng-nghiêm, thị hiện thiện ác, tùy nơi chúng sinh được điều phục, dù có thô lậu nhưng cũng đều lập bày để độ thoát; như thầy thuốc trị bệnh, như hoa sen trong nước, không nhiễm đắm. Đó là đức Giải thoát.

Thân nghiệp của Phật không thể nghĩ bàn tức Pháp thân, khẩu nghiệp của Phật không thể nghĩ bàn tức Bát-nhã, ý nghiệp của Phật không thể nghĩ bàn tức Giải thoát. Cho nên biết ba đức gồm thấu tất cả đức. Kinh Đại Phẩm nói sắc tịnh là Bát-nhã tịnh; thọ, tưởng, hành,

thức tịnh là Bát-nhã tịnh. Kinh Pháp Hoa ghi là Như Lai trang nghiêm, lại nói là sáu căn thanh tịnh. Các kinh đều nói khác nhau, nhưng đều được ba đức gồm thấu, bao gồm chung, riêng, gom chung sự lý. Dù sơ lược gồm thấu rộng nhiều, nhưng chẳng vượt ngoài ba đức. Nếu chỉ chấp nghiêng về ngang, dọc, chung, riêng, một khác thì đều chẳng phải tạng bí mật. Văn kinh ghi: “Pháp thân cũng chẳng phải, Bát-nhã cũng chẳng phải, Giải thoát cũng chẳng phải; chẳng dọc, chẳng ngang, chẳng chung, chẳng riêng, ba và một tức nhau, một trong vô lượng, vô lượng trong một, chẳng phải một chẳng phải vô lượng, đó gọi là tạng Bí mật.

Kết luận tạng bí mật:

Từ câu: “Nay ta an trụ v.v...” trở xuống là ý thứ tư, kết luận về tạng Bí mật.

An trụ trong ba pháp tức là kết luận ba đức. Nhập Đại Niết-bàn là kết luận Tạng bí mật; như chữ Y thế gian là kết luận ba điểm. Văn lược qua không nói về ba mắt. Nhưng Phật thường an trụ trong ba pháp, mà nói rằng: “Nay ta v.v...” là thuận theo cơ duyên, cho nên nói: “Vì chúng sinh, nên gọi là nhập vào Niết-bàn”, tức là ý này.

Từ câu: “Bấy giờ, các Tỳ-kheo v.v...” trở xuống là chương nói về nghi chấp. Văn có ba ý: 1/ Chấp; 2/ Thỉnh; 3/ Nghi. Trước Đức Phật đã bác bỏ và thấu đoạt, đoạt là chỗ chứng ngộ, chưa thể xả bỏ ngay, vì thế nên còn chấp. Phật nói chữ Y mới, vừa nghe chưa thể hiểu được, nếu muốn học thì phải thưa thỉnh; hai giáo xưa nay đều do Đức Phật nói vì sao một là giả dối một là chân thật, vì thế có nghi.

Văn nói về chấp có hai: a) Các Tỳ-kheo buồn khổ; b) Chính thức nói về điều chấp. Sau đây là văn thứ nhất.

Nghe Đức Phật an trụ trong ba pháp gọi là nhập vào Niết-bàn, rõ biết nghĩa an trụ không thể nghi bàn, mà sinh ra kiến giải bỏ đây trụ kia, cho nên buồn khổ.

Kế đến, từ câu: “Thế Tôn! Ngài đã khéo nói về v.v...” trở xuống là điều chấp. Có người cho rằng thuật lại pháp đã nghe ở trên, nhưng ở trên chưa từng nói, chỉ là chấp giáo xưa. Văn chấp lại có hai: 1) Chấp; 2) Khen ngợi. Trong phần thứ nhất lại có ba: Theo giáo chấp lý; Theo hạnh chấp lý; Chánh chấp lý.

Nói “Hãy khéo nói” là vì chấp giáo xưa là hay đúng, cho nên nói là khéo; tức giáo ấy đúng, thật có thể giảng nói nghĩa lý.

Dụ như dấu chân voi, tức chấp hạnh xưa, là hạnh cao nhất trong đường hướng đến, cho nên lấy dấu chân lớn để trụ. Hạnh có trí và đoạn. Tưởng là môn đầu tiên của trí, cho nên gọi là đầu tiên của các môn. Từ

câu: “Tinh tấn v.v...” trở xuống là chấp đoạn, dứt tư, nên biết cũng dứt tà kiến; vì thế nói sau mà chẳng nói trước. Nói: “Cho đến vô thường tướng”, tức hoặc đã dứt thì trí cũng bật.

Từ câu: “Bạch Đức Thế Tôn! Nếu lìa vô thường v.v....” trở xuống, là nói về chấp lý.

Trong lý này chính là nói chẳng lìa chẳng phải chẳng lìa; nếu lìa vô thường thì lẽ ra chẳng nhập Niết-bàn, nếu chẳng lìa vô thường thì còn có các hoặc. Vì chẳng lìa chẳng phải chẳng lìa, nên có thể dứt các hoặc; thâm hợp với lý, hội ngộ với chân, há có hơn pháp này sao, mà bác bỏ cho là ngụy tạo? Có người giải thích lìa thì giáo xưa chẳng đúng, nếu chẳng lìa thì giáo xưa là đúng. Ý này xét theo văn thật khó lường được.

Từ câu: “Bạch Đức Thế Tôn! Thí như v.v...” trở xuống là khen ngợi. Tự khen ngợi ba điều chấp ở trên. Mùa thu cày xới đúng pháp thì có hai điều lợi: 1/ Cỏ chẳng thể mọc; 2/ Đất màu mỡ, đây là khen ngợi giáo. Cỏ chết là khen ngợi đoạn; màu mỡ là khen ngợi hạnh; vô thường là khen ngợi lý.

Văn nói về Thỉnh:

Từ câu: “Bạch Đức Thế Tôn! Như vị Đế vương v.v...” trở xuống là thưa hỏi về giáo chữ Y mới được nghe ở trước. Vì ưa thích tu học, nếu Như Lai diệt độ thì sẽ thọ giáo với ai? Do đó mà thưa hỏi. Trong phần cơ thỉnh ở trên, phần nhiều lập dụ người thân, Đức Phật chê trách, chẳng cho là chân thật. Nay chẳng dám lập dụ người thân, chỉ lập dụ chủ và thầy, đó chính là chỉ dạy chung, ý nghĩa rất rộng. Gồm có năm dụ: Đầu tiên là Dụ thỉnh chủ; bốn dụ sau là thưa hỏi thầy. Xem văn hợp dụ thì đó là thưa hỏi học tập chữ Y mới. Vì sao? Vì vị A-la-hán đã phá bốn trụ, nhưng vô tri vô minh chưa dứt; đã nêu hoặc riêng, biết là thưa thỉnh giáo chữ Y mới. Đầu tiên nói về ân xá, tức chung cho hàng Thanh văn chưa dứt hai hoặc thưa hỏi. Kế là dụ về Chú sư, cũng chỉ chung cho các Thanh văn chưa dứt vô minh thưa hỏi; dụ hương tượng là nói riêng về hàng Hữu học chưa dứt tư hoặc thưa hỏi; dụ bệnh sốt rét là nói riêng về hàng Vô học chưa dứt một bên thưa hỏi; dụ người say là nói chung tất cả phàm Thánh thưa hỏi. Hai dụ trước như văn đã ghi. Thứ ba là dụ hương tượng, trước là dụ, sau là hợp.

Trong phần hợp có nói năm, mười, bảy phiền não. Ở đây giải thích có ba loại: Nói năm tức là năm cái, mười là mười truyền, bảy là bảy lậu. Các sư Sở luận nói bốn độn sử ở cõi Dục là tham, sân, si, mạn, đều mê năm hạnh, năm hạnh là Kiến đế có bốn, Tư duy có một, năm hạnh trên

mỗi hạnh lại có bốn, thành hai mươi hạnh; hai cõi trên mỗi cõi dứt một sân; thì năm hạnh của cõi dưới mỗi cõi lại còn ba, thành mười lăm, hai cõi thành ba mươi, cộng với cõi Dục có hai mươi thành năm mươi và bảy sử chung cho các tâm, tức bảy lậu là căn bản. Các sư luận Thành Thật cho rằng: Kiến đế có mười sử đều mê bốn Đế, thành bốn mươi, Tư duy có bốn sử mê bốn Đế thành mười sáu, hợp với Kiến đế là năm mươi sáu, cộng với vô minh thành năm mươi bảy. Hưng Hoàng cho rằng năm môn quán, mỗi môn có ba điền đảo, là tưởng, kiến và tâm, tổng cộng là mười lăm, nhân với ba cõi thành bốn mươi lăm; bốn đế mỗi đế có ba điền đảo, là mười hai điền đảo, cộng với bốn mươi lăm thành năm mươi bảy.

Trong dụ người say thực hành ba nghiệp ác, bị quả báo là hợp với uống thuốc và mưa ra các hoặc, v.v...

- Văn nói về Nghi:

Từ câu: “Bạch Đức Thế Tôn! Thí như cây chuối v.v...” trở xuống là Nghi giáo. Nếu giáo xưa chẳng đúng thì Phật chẳng nên nói; nếu giáo xưa là đúng thì chẳng nên phá bỏ. Nếu giáo nay là đúng thì sao chẳng nói sớm; giáo nay nếu chẳng đúng vì sao khen ngợi là thật; vì thế mà sinh nghi. Văn có ba: 1) Nói về vô ngã; 2) Dẫn chứng; 3) Nói về dụng.

- Nói cây chuối là y cứ theo hành ấm, nói nước cạn dơ là y cứ theo sắc ấm, hoa Thất diệp là y cứ theo ba ấm.

- Dẫn lời Phật nói: “Tất cả pháp không có ngã, ngã sở”.

- Từ câu: “Như dấu chân chim trong v.v...” trở xuống là nói về dụng vô ngã.

Giáo xưa năng dứt Kiến, Tư hoặc. Sở dĩ nói vô ngã là vì giáo xưa của Phật nói về vô ngã, dùng ngã tu vô ngã. Nếu có ngã thì thật không có việc ấy. Vì sao nay nói có ngã, cho nên nêu vô ngã làm đầu mỗi nghi giáo.

Từ câu: “Bấy giờ, Đức Thế Tôn khen các Tỳ-kheo v.v...” trở xuống là phá chấp trừ nghi, văn có hai: 1/ Khen ngợi vô ngã; 2/ Phá chấp. Văn thứ nhất, trên có ba ý, vì sao chỉ khen Vô ngã? Vì Vô ngã là gốc của các nghi chấp v.v... Vì sao lại khen người hỏi? Vì đó là pháp giải đáp của thế gian như thế!

Đầu tiên dùng Vô ngã phá tà, lại có thể sử dụng để sinh ra điều lành. Vả lại, muốn đoạt thì trước phải ban cho. Chấp đấm pháp thấp kém mà cảm được pháp cao siêu, đó là lý bốn Tất-đàn.

Kế đến nói về phá, có ba ý: 1/ Phá lý nghiêng về một bên, văn sau ghi: “Ba pháp tu này không có thật nghĩa”, tức là phá bỏ. Hai, là

phá hạnh nghiêng về một bên, văn sau ghi: “Các hạnh tu tập đầu tiên, đều là điên đảo”. Ba là phá giáo nghiêng về một bên văn sau ghi: “Sửa được đoạn ở trước, lời này chẳng thật”. Ba ý này mỗi ý có hai là nêu chấp và đáp phá. Đầu tiên là phá lý nghiêng về một bên. Trước nêu lên, kế đó là đáp phá. Trước nêu ra, gồm có ba: 1/ Tiếp lời Phật khen ngợi mà nêu lời chấp; 2/ Lập dụ; 3/ Từ câu: “Đức Thế Tôn v.v...” trở xuống là kết luận.

Say có hai lỗi là điên đảo mê loạn và trái với pháp lành.

Kết luận khen ngợi, gồm có hai:

1/ Kết luận lỗi của say và chẳng tu.

2/ Khen ngợi không lời và tu điều lành.

Kế đến là Phật phá, tức là dùng lời đáp để phá. Có hai ý: 1/ Phá ở ý không điên đảo là điên đảo, xoay người say trở về; 2/ Phá khéo tu thành chẳng khéo tu, xoay sự chẳng khéo tu trở về. Phá điên đảo, có bốn ý: 1/ Khuyên nghe nhắc lại; 2/ Nói về việc điên đảo của các Tỳ-kheo; 3/ Nêu việc không điên đảo; 4/ Kết luận sai lầm để trở về.

Trong phần khuyên nghe nói nhắc lại là nêu lại sở chấp của các Tỳ-kheo; “chỉ biết văn tự, chẳng biết ý nghĩa”, thì Văn là ngôn ngữ, nghĩa là lý thú. Ngay nơi người say cũng nghe được lời nói, mà chẳng hiểu được ý nghĩa lời nói; cũng nói được mà không có thật nghĩa. Các thầy cũng giống như thế! Nghe nói kia trôi lăn hay chẳng trôi lăn, tự cho là khéo tu, thật ra chẳng phải khéo tu.

Trong ý nói về điên đảo có nêu ra mặt trời, mặt trăng là để phá dụ điên đảo. Nói chúng sinh, có người cho rằng: “Mượn Tỳ-kheo để chỉ cho chúng sinh”, ở đây nói chẳng phải như thế, đã nói chuyển cái say trở về thì biết Tỳ-kheo là chúng sinh. Nói Ngã chấp vô ngã là phá điên đảo, cũng là phá chấp cho rằng vô thường, vô ngã là đúng. Các thầy cho rằng vô thường, vô ngã là đúng, đúng này chẳng phải thật, chẳng phải vô ngã mà gượng chấp là vô ngã. Như người say kia, vật không xoay chuyển mà nghĩ rằng có xoay chuyển.

Từ câu: “Ngã tức là v.v...” trở xuống là nêu chẳng điên đảo, là Thường, Lạc, Ngã, Tịnh.

Điều các thầy cho là đúng thì chẳng đúng, tức bác bỏ điều đúng của họ. Phật nghĩa là Giác, vì được tự tại nên gọi là Ngã; Thường là Pháp thân vì Pháp thân chẳng từ duyên sinh, cho nên nói Thường. Lạc tức Niết-bàn, vì Niết-bàn không có thọ, nên gọi là Đại Lạc. Tịnh tức là pháp, vì pháp vô nhiễm. Điều mà các thầy cho là sai thì nay là đúng. Các thầy chẳng biết nghĩa này là do say.

Từ câu: “Tỳ-kheo các thầy v.v...” trở xuống là chuyển cái say trở về v.v...

Tỳ-kheo cho rằng thường là điên đảo, vô thường chẳng điên đảo, Phật lại nói vô thường là điên đảo, thường chẳng phải điên đảo. Như mặt trời, mặt trăng vốn chẳng xoay chuyển, người say thấy cứ xoay chuyển. Trời, Trăng đâu có say mà là lỗi của người say. Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, thật chẳng vô thường mà gượng chấp là vô thường, đó là lỗi của người điên đảo.

Kế đến, từ câu: “Nếu các thầy nói v.v...” trở xuống, là phá cho rằng khéo tu, thật ra chẳng khéo tu. Có bốn ý: 1/ Nêu hai pháp tu; 2/ Gồm nói về tám điên đảo; 3/ Chuyển lỗi về các Tỳ-kheo; 4/ Chỉ nêu pháp tu cao quý.

Đầu tiên là nói: “Nếu các thầy nói v.v...” là nêu pháp khéo tu của các Tỳ-kheo. Nói “không có thật nghĩa” là bác bỏ khéo tu mà cho là chẳng khéo tu, như lời nói của người say không chân thật. Hai pháp đối đãi nhau, ý nghĩa có rộng và lược, hoặc có mười môn, tám đảo, sáu hạnh khác nhau, nay chỉ lược đối với ba pháp mà thôi.

Kế là, từ câu: “Khổ mà chấp là lạc v.v...” trở xuống là gồm nói tám điên đảo. Các thầy tu tám điên đảo như thế, vì sao tự cho là khéo tu, văn kinh ghi: “Người này chẳng biết thật tu các pháp.”

Từ câu: “Các thầy đối với v.v...” trở xuống là gồm chuyển tám đảo trở về. Văn gồm chuyển tám đảo trở về các Tỳ-kheo. Văn có hai: 1/ Chuyển bốn điên đảo Thường, Lạc v.v... về các Tỳ-kheo; 2/ Chuyển bốn điên đảo Vô thường, Vô ngã v.v... về các Tỳ-kheo. Văn thứ nhất lại có hai ý: 1/ Chánh thức chuyển các điên đảo; 2/ Ba phen phân biệt. Thứ nhất, như Văn ghi.

Kế là ba phen thế, xuất thế, đảo chẳng đảo, có chẳng có. Đầu tiên là nói về thế xuất thế.

Phàm lý cùng tốt thì như hư không, chẳng phải thế gian xuất thế gian. Người mê hoặc thành điên đảo gọi là thế gian; người ngộ được thì thành tự các đức gọi là xuất thế gian. Vô minh che lấp các thầy nên chỉ là điên đảo mà chẳng phải đức. Như có người hỏi rằng: Nếu là điên đảo, vì sao gọi là Thường, Lạc, Ngã, Tịnh?

Kế là, từ câu: “Pháp thế gian v.v...” trở xuống là nói về có và không có.

Cho nên đối với thế gian phân biệt chữ và nghĩa. Nghĩa thì như văn sau nói: “Chỉ có tên”, vì thế chẳng phải đức mà không có nghĩa ấy.

Từ câu: “Vì sao? v.v...” trở xuống là nói có đảo và không có đảo. Cho nên chỉ có bốn điên đảo, ba điên đảo, để hiểu rõ thế gian không có nghĩa. Xưa nói: “Ba điên đảo, thì tâm không có điên đảo mà thức tâm là điên đảo”. Lại nói, thức tâm không điên đảo, ba điên đảo là: tướng đảo thuộc về tướng, tâm đảo thuộc về thọ, kiến đảo thuộc về hành. Vả lại, có chung và có riêng. Ba điên đảo chung ở bốn tâm, nếu phân biệt thì thức tâm có tâm đảo, tướng và thọ có tướng đảo, hành tâm thì có kiến đảo. Vả lại, hễ có tâm duyên cảnh tức là tâm điên đảo chung, tướng tượng tức là tướng điên đảo chung, năng phân biệt là kiến đảo. Vả lại, sơ tâm khởi vọng chấp đắm tức là tâm điên đảo, tâm duyên thành tướng là tướng điên đảo; tướng thành chấp chặt là Kiến điên đảo. Kiến điên đảo ở phàm phu; tâm điên đảo tướng điên đảo thì thuộc về Hữu học, còn Vô học thì không có điên đảo.

Nay cho rằng vì sao lại trả điên đảo về cho các Tỳ-kheo, vì các Tỳ-kheo này cho rằng vọng tâm thì diệt hết, tâm thật thì chẳng hết, mà thành ba điên đảo là tâm vô lậu, không tướng và kiến chấp thiên lệch. Mỗi điên đảo gồm có bốn điên đảo, thành mười hai điên đảo, cho nên kết lỗi về các Tỳ-kheo.

Hỏi: “Thế gian cũng có Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, xuất thế gian cũng giống như thế” thì lẽ ra nên nói: “Thế gian có vô thường, vô ngã, thì xuất thế gian cũng giống như thế!”

Đáp: Dụ vô thường, vô ngã của Nhị thừa tức là thế gian, vô thường vô ngã là phương tiện vô thượng của Phật, tức là xuất thế gian. Hỏi thì có danh mà không có nghĩa, v.v... thế gian, xuất thế gian, điên đảo và đức, chẳng điên đảo và đức, tu cao quý và tu thấp kém, đều ứng hợp với bốn câu phân biệt. Lại thế gian chỉ là đảo, không có đức. Xuất thế gian chỉ là đức, không có đảo; ngay nơi đảo mà chẳng đảo là đức của thế gian điên đảo; khởi dụng phương tiện là đức xuất thế gian, lệ với tất cả các nghĩa khác cũng đều như thế. Xưa nói rằng: Vô thường vô ngã là pháp tu thấp kém, Thường, Lạc, Ngã, Tịnh là pháp tu cao quý. Lại nói: Đơn tu tức là kém, song tu là hơn. Lại chẳng phải Thiên viên tu là hơn. Nay hỏi các pháp tu này phối hợp với căn cơ nào? Đơn thắng tu thuộc về người thứ lớp, song thắng tu thuộc về người Bất định; chẳng Thiên viên tu thuộc về người đốn tu, v.v...

Từ câu: “thế nào là nghĩa, v.v...” trở xuống là chỉ nói về pháp tu cao quý, theo văn có hai: 1/ Đối với kém mà nói hơn; 2/ Khuyên tu pháp cao quý.

Nếu nói chung về tu kém, thì có rất nhiều lỗi, nhưng chỉ phá những

lỗi nặng nhất mà thôi. Sinh tử có trói buộc nên Vô ngã; Thanh văn có nơi hưởng đến, nên vô thường; ngoại đạo dùng khổ dứt khổ, nên khổ; pháp hữu vi nhiễm ô nên bất tịnh v.v... Chỉ nêu hơn phá kém như kinh đã ghi. Nay nêu ý cho rằng: Văn đầu tiên nói: “Ngã tức Như Lai” là chỉ nêu Tam bảo mà gồm chung tất cả pháp. Nói: “Thường là Pháp thân” là nêu ba điểm để gồm thấu tất cả pháp; nói: “Lạc tức Niết-bàn” là nêu bốn đức gồm thấu tất cả pháp; nói: “Tịnh tức vô vi” là nêu pháp giới gồm thấu tất cả pháp. Nhưng các nghĩa này chẳng dọc, chẳng ngang, chẳng một, chẳng khác, chẳng thể nghĩ bàn. Cho nên nói là “nghĩa”, gọi là “cao quý”.

Kế là, từ câu: “Nếu muốn v.v...” trở xuống, là khuyên tu, như văn kinh ghi.

Kế la từ câu: “Bấy giờ, các Tỳ-kheo v.v...” trở xuống là phá hạnh nghiêng về một bên, cũng gọi là đáp lời thỉnh. Văn có hai: 1/ Nêu lời thỉnh; 2/ Đáp lời thỉnh. Đầu tiên lại có ba ý: 1/ Lãnh thọ ý chỉ khen ngợi Phật; 2/ Nhân khen ngợi mà thưa hỏi; 3/ Dùng thân mạng để yêu sách, kết thỉnh. Tất cả như văn kinh đã ghi.

Từ câu: “Bấy giờ, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo v.v...” trở xuống là phần đáp lời hỏi. Văn có hai ý: 1/ Quở trách chẳng nên; 2/ Chánh thức đáp.

Đầu tiên là quở trách, Như Lai diệt độ hay an trụ đều chẳng phải cảnh giới của các thầy. Các thầy đã chẳng phải là sự diệt để có thể an trụ của Như Lai thì làm sao có thể thuận diệt theo được?

Kế là, phần chánh đáp, có hai: 1, Y cứ theo người mà đáp; 2, Y cứ theo pháp mà đáp. Lúc trước các thầy thỉnh trụ, chính là muốn học pháp, nay lưu lại người và pháp, đối với việc tu học đã đầy đủ rồi, lại cần gì phải thưa hỏi nữa. Đoạn thứ nhất lại có ba: 1/ Phó chúc cho người; 2/ Khen ngợi người đồng Như Lai; 3/ Giải thích khen ngợi.

Ý thứ nhất và thứ hai như kinh đã ghi.

Ý trong phần giải thích là vua giao phó lại cho vị Đại thần. Tuân tức là đi. Đức Phật muốn cho truyền bá đến phương khác, nên giao phó lại cho ngài Ca-diếp.

Từ câu: “Các thầy nên biết v.v...” trở xuống là y cứ vào pháp để đáp lời hỏi, có hai ý: 1/ Đáp lời hỏi; 2/ Phá hạnh nghiêng lệch. Trong ý thứ nhất lại có pháp, dụ và hợp. Trong dụ, từ câu: “Như mùa xuân v.v...” trở xuống là dụ cho hạnh nghiêng lệch. Xưa nói là Văn, Tư, Tu tuệ, xét văn thì chẳng hợp. Nay y cứ theo Hà Tây Đạo Lãng chia làm hai: 1/ Khởi hoặc mất lý; 2/ Tu học câu lý. Một câu đầu là nói về khởi

hoặc. “Mùa xuân”, thì muôn vật mới sinh trưởng dụ cho đầu tiên hoặc khởi. Vả lại nhân hoặc mà sinh hiểu, nên nói là mùa xuân. Hai câu kệ: “Có những người v.v...” trở xuống là nói về nơi mất hạt châu. Xưa nói ao lớn là giáo vô thường, Đạo Lăng nói là biển sinh tử. Chử Dục (tắm), có nơi viết là chiếu (cái ao) nhưng phần nhiều viết là Dục. Ba câu, từ: “Bơi thuyền dạo chơi, v.v...” trở xuống là nói về nhân duyên mất hạt châu. Xưa nói Văn tuệ kiến giải cạn hẹp nên gọi là dạo chơi. Hà Tây nói tâm sân hận ngã mạn dụ cho bơi thuyền, năm dục lạc như dạo chơi; mất châu báu lưu ly dụ cho mất Phật tánh. Xưa nói mất lý, hoặc mất kiến giải là “chìm sâu vào nước”. Đây chỉ là chìm mất chứ không phải mất hẳn. Xưa nói Viên lý ẩn nơi giáo Vô thường, nên nói là chìm sâu trong nước. Lại lý Phật tánh bị sân nhuế, ngã mạn, sinh tử nhận chìm, không thể hiển hiện được.

Kế là từ câu: “Bấy giờ, các người v.v...” trở xuống tức là tu tập giải ngộ câu được lý, có hai ý: 1/ Y cứ vào giải xưa mà thiên tu tức là ngụy tu; 2/ Nói y cứ giáo nay mà Viên tu tức tu tập thù thắng. Xưa nói: “tranh nhau nhật lấy” là Thiên tu quán vô thường, khổ, mà tập học. Ngồi đá tức làm thương tổn dụ cho khổ, cỏ cây giả dối dụ cho Vô ngã, cát đá dưới đáy ao phân tán dụ cho Vô thường; “mỗi người đều cho là đã được lý”. Từ câu: “Vui mừng đem lên v.v...” trở xuống là dụ cho Viên tu giáo hôm nay. Xưa cũng nói là ba tuệ, nay cho rằng ý chẳng phải như thế, còn gọi là giai đoạn cuối của Thiên tu, vì nói về lý chưa được cùng tận. Cho nên Văn ghi: “Biết chẳng phải thật”; xét qua có bốn ý: 1/ Biết giáo xưa chẳng chân; 2/ Do năng lực của Phật tánh, nên chúng sinh ngộ được; 3/ Nói về tin hiểu; 4/ Nói về tuệ kiến tức là được lý. Văn đầu tiên tức nói giáo nay đã khởi thì mới biết được giáo xưa chẳng chân. Hai nhà giải thích xưa cho rằng từ “vui mừng” là thuộc về câu trước, “nhật đem lên” là thuộc về câu sau. Trang nghiêm cho rằng: Từ “Vui mừng nhật lấy” là thuộc về câu trước; “đem lên” là câu sau, ở đây nói chỉ là một câu mà thôi.

Kế là: “Bấy giờ, hạt châu quý v.v...” trở xuống là nói do năng lực Phật tánh mà rõ được chân tu. Đó là do nghe được giáo hôm nay nói về Phật tánh, nhờ vào năng lực Phật tánh khiến chúng sinh chứng ngộ. Nói “Còn ở trong nước”, tức là Phật tánh chẳng ở đâu xa, chỉ ở trong thân năm ấm sinh tử. “Nước lắng trong” là dụ cho việc nhờ vào năng lực Phật tánh mà chúng sinh ngộ.

Từ câu: “Bấy giờ mọi người” v.v... trở xuống là nói về tin hiểu, dụ cho việc đã thấy biết mà chưa nắm bắt được. Nói “như mặt trăng” là dụ

cho Viên lý Trung đạo, rốt ráo không thiếu sót.

Từ câu: “Bấy giờ, v.v...” trở xuống là nói về Tuệ kiến. Nói “Bình thản” là dụ cho việc ở trong sinh tử như ở trong Niết-bàn.

Kế là, từ câu: “Tỳ-kheo các thầy chẳng nên, v.v...” trở xuống là phân hợp dụ, lại có bốn ý: 1/ Hợp với Thiên tu; 2/ Hợp với Viên tu; 3/ Từ câu: “Nên biết v.v...” trở xuống là hợp với Thiên tu; 4/ Từ câu: “Muốn được hạt châu thật, v.v...” trở xuống là hợp lại với Viên tu. Đoạn kinh này là chỗ đáng để tâm, nên phải dẫn các lời giải thích xưa, xin người đọc chớ ngại dài dòng. Nay giải thích chương này: Các Tỳ-kheo tuy đã nghe nói giáo chữ Y mới, nhưng chưa dứt được chấp xưa, cho rằng Phật vô thường, vì vậy nên vẫn thính trụ thế. Tuy tin pháp thường mà chưa tin Phật thường; miệng tuy xin nghe giáo mới mà tâm còn giữ giáo xưa. Nên Phật chê trách họ vẫn cứ chấp giáo xưa, nên ngài nói: “Các thầy chẳng nên nói như thế!” Đức Phật đáp lại lời cầu thỉnh giáo mới, cho nên nói: “Chánh pháp của ta, hôm nay phó chúc cho Ca-diếp.” Duyên trụ thế của Như Lai đã hết, cho nên diệt độ; căn cơ giáo hóa của Ca-diếp đã hưng khởi, nên được trao phó. Trong thì đồng với đức của Phật, ngoài thì nhận làm Đại thần, nắm giữ giáo chánh pháp; viết chữ Y mới tròn đầy, làm nơi nương tựa. Đáp lời cầu thỉnh, trong đó vì người học chữ Y mới, cho nên nói phó pháp cho Ca-diếp. Văn sau vì hàng chẳng học chữ Y mới, nên nói: Ca-diếp vô thường, chẳng thể kham nhận sự phó chúc, mỗi pháp đều nói theo nhân duyên.

Dùng pháp trả lời sự thưa hỏi, có hai: 1/ Dùng pháp thuyết pháp; 2/ Lập dụ thuyết pháp. Pháp thuyết: Các thầy muốn học chữ Y mới phải bỏ mê sinh tín, nếu còn vọng chấp thì chẳng hiểu được chân pháp. Cho nên nói: “Vô thường tướng và khổ tướng mà các thầy tu tập trước kia, chẳng chân thật”

Trong dụ thuyết, lại có hai dụ và hợp. Thứ nhất là nêu dụ, từ câu: “như vào mùa xuân, v.v...” trở xuống, tức là nêu dụ vì bông lung mà đánh mất vật báu. Kế là lập dụ câu được và chẳng được, cũng gọi là dụ có phương tiện, dụ không có phương tiện.

Mùa xuân là thời gian mà muôn vật đều đổi mới, ưa thích, dụ cho năm trần sáu dục là cảnh làm cho người đắm say. “Mọi người” là dụ chỉ chung cho những kẻ bông lung. “Xuống ao lớn tắm rửa”, ao lớn dụ cho sông sinh tử, tắm dụ cho sân nhuế, ngã mạn, yêu, ghét. Bơi thuyền dụ cho cõi trên các nghiệp. Dạo chơi là dụ cho tham đắm quả đáng yêu. Đánh rơi hạt châu lưu ly là dụ cho không có giải ngộ, do đó mà bông lung; Tuệ giải bị che mờ, nên gọi là “đánh rơi mất”. Cho nên chương

này phá hạnh mất làm chánh, chẳng phải nói trước có giải mà sau bị mất. Vì chấp đắm dục lạc mà che mờ tuệ giải nên nói là đánh mất; “chìm sâu đáy nước” là dụ cho bị sinh tử che lấp.

Từ câu: “Bấy giờ, mọi người, v.v...” trở xuống là nói về dụ không có phương tiện thì cầu giải chẳng được.

“Mọi người” là chỉ chung cho các chúng sinh mê lầm, lập riêng cho họ ba trụ. “Cùng nhau lặn xuống hồ”, là đồng tin giáo nghĩa đầu tiên, giống như lặn xuống hồ; “Tìm hạt châu này”, là dụ cho việc lập ba pháp tu kém; “Tranh nhau nhặt ngói, đá” là dụ cho chúng ba pháp tu đó là chân thật. “Tự cho đã được” tức nói đã được diệt độ. “Vui mừng đem lên” là dụ cho ý khen ngợi dẫu chân voi. Thứ nhất là khéo tu nội chấp Vô ngã. Bên trong vẫn còn chấp trước, nên nói là vui mừng, hướng về Phật khen ngợi nên nói là “đem lên”; cũng là dụ cho ý chấp chặt sinh nghi.

Từ câu: “Mới biết chẳng thật” v.v... trở xuống là dụ cho nghĩa có phương tiện cầu giải thì được.

Dụ cho việc nghe giáo hôm nay phá lý hạnh của giáo xưa, chẳng phải thật, mới biết khổ, vô thường là giả dối đồng như đá gạch. Cho nên nói: “Mới biết chẳng chân thật”. Tất cả từ trên đến đây gồm sáu ý cùng giải thích văn “cầu được giải”. Phàm hạt châu quý, thì châu là vốn có, chẳng phải đến hôm nay mới có, nhưng chúng sinh tham đắm dục lạc, chìm sâu dưới đáy nước; vọng quán xét tìm cầu, rốt cuộc chẳng thể được, đó là lý tức châu báu; vì nghe giáo hôm nay, biết việc trước chẳng thật, biết chữ nghĩa mới từ bộ kinh này, đó là danh tự tức châu báu. Nướng vào giáo quán lý, lý là sở thuyên, nên nói còn ở dưới đáy nước. Năng thuyên như sở thuyên, sở thuyên như năng thuyên, nên nói là nhờ năng lực hạt châu nên nước lắng trong. Bấy giờ, mọi người mới thấy hạt châu báu, vẫn còn ở dưới đáy nước, giống như ngửa nhìn mặt trăng trên hư không là tương tự tức châu báu. Ngửa nhìn mặt trăng phẳng phất như hạt châu là tự giải đã gần với chân, nên nói là thấy; thế thì vị tương tự đã nói: Hư không dụ cho tương tự thường, trăng tròn dụ cho Tương tự lạc, ánh sáng trăng dụ cho Tương tự tịnh, chẳng trên chẳng dưới, so sánh trên với dưới tự tại vô ngại là tương tự ngã v.v... Lúc ấy, có người trí là dụ cho phần chứng tức châu báu; dùng một đặt cho người; người đạt được môn, nên gọi là một người. Năng lực phương tiện dụ cho Viên tu trước chứng đạo. Bình thản, tức an ổn trong sinh tử, lập tuệ giải Niết-bàn, chánh quán nhiệm mầu, xét nét tướng tận, chẳng mê mờ nước giáo, chẳng xao động sóng tâm, tương ứng với lý, là phần chứng

châu báu. Đây là y cứ vào sáu vị để hiển bày nghĩa người có phương tiện thắng tu, còn cầu được châu báu thì y cứ theo hạnh thì ý nghĩa thuận tiện hơn.

Từ câu: “Tỳ-kheo các thầy v.v...” trở xuống là sự hợp nhất của hai dụ được và mất, có hai ý gom vào hai phen hợp, phen thứ nhất hợp với được mất của ba tu, phen thứ hai hợp với được mất của bốn tu.

Như ứng dụng ý này vào khắp các pháp, đều có hai pháp tu là hơn và kém. Cho nên văn kinh ghi: “Mọi nơi mọi lúc nên tu tập Ngã tướng, Thường, Lạc, Tịnh tướng”. Đâu chỉ kinh này, đâu chỉ một cảnh, nơi nào cũng đều thành quán, hãy suy xét điều này.

Từ câu: “Bấy giờ, các Tỳ-kheo v.v...” trở xuống là chương phá nghi về giáo. Văn có hai: 1/ Nêu lên; 2/ Phá.

Đầu tiên là nêu đủ Giáo, Hạnh, Dụng và Lý khi xưa. “Như Phật nói khi xưa”, là Giáo; mà “tu học” là Hạnh; “xa lìa ngã mạn” là Dụng; “Nhập Niết-bàn” là Lý. Hạnh là Lý đã phá xong, lời nói đã thành, ý chính ở giáo, vậy giáo xưa là đúng thì nay chẳng nên bác bỏ, nếu giáo nay là đúng, vì sao chẳng nói sớm hơn?

Kế là phá, có hai ý: 1/ Khen ngợi lời hỏi.

Kế là lời đáp, có hai: 1/ Dụ; 2/ Hợp. Trong dụ có bốn: 1/ Dụ bệnh bốn điên đảo; 2/ Dụ cho thuốc ba tu; 3/ Dụ cho bệnh ba tu; 4/ Dụ cho thuốc bốn đức. Dụ thứ nhất lại có sáu ý: 1/ Một là nói về người bệnh, tức chỉ cho vua. Bên trong mê lầm thường tịnh, bên ngoài hiện oai của Ngã, tham dục dẫn đến chấp đắm lạc, đó gọi là bệnh.

Hai là, dùng cái thấy điên đảo, tức là ngoại đạo.

Ba, là tin nhận tà đảo. Ban bỗng lộc nhiều thì tin tà thuật.

Bốn là chỉ dùng toàn là thuốc sữa tức là thuốc tà đảo. Màu trắng là thường, vị ngọt là lạc, chất béo là ngã, nói thuốc là tịnh, đây là thuốc tà.

Năm, là câu “cũng lại chẳng biết”, dụ cho Tự kỷ là tà.

Sáu là từ câu: “Vị vua này” v.v... trở xuống là nói về chẳng tự biết bệnh.

Vua chẳng phân biệt tức người bệnh chẳng biết, đây là bệnh điên đảo. Đã lược giải thích xong, sau đây lại y văn giải thích. Vua lấy thủ lãnh làm nghĩa; người được giáo hóa cũng có đồ chúng, dụ như vua, vô minh dụ cho mê lầm, tham đắm dục lạc là ngu độn, có thể trí tức trí nhỏ hẹp, thầy thuốc dụ cho ngoại đạo, thật chẳng thể trị bệnh cho người, nhưng cũng muốn được chúng sinh mời thỉnh. Truyện Xuân Thu ghi: “Tâm chẳng thấy rõ được nghĩa của đức thì gọi là ngoan, miệng chẳng

nói lời trung tín là hiêu”. Ngoại đạo cũng giống như thế, bên trong không có chân giải, bên ngoài không có lời khéo léo. Bồng lộc tức là chúng sinh được giáo hóa cứng dường ngoại đạo. Nói “chỉ dùng thuốc sữa” ý nói là thuốc thì ít mà bệnh thì nhiều. “Chẳng biết thuốc và bệnh, lại chẳng biết nguồn gốc của bệnh phát khởi” tức là ba độc tám đảo của chúng sinh đều do chấp tướng, chấp tướng là do duyên vô minh, nhưng họ chẳng biết bệnh. Tuy biết thuốc sữa mà thật chẳng biết thuốc. Phạt giả thuyết mà ta lại gượng chấp là tức là lia, rồi nói là xanh, vàng, trắng, đen, v.v... Các bệnh gió, lạnh, nóng tức là dùng thuốc chẳng đúng bệnh. Gió dụ cho sân, lạnh dụ cho si, nóng dụ cho ái. Điều mà vị Vua này chẳng biết, chẳng những không biết thuốc mà còn chẳng biết bệnh.

Từ câu: “lại có một thầy thuốc giỏi, v.v...” trở xuống là dụ cho thuốc ba tu. Có ba ý: 1/ Nói về thầy thuốc; 2/ Nhân duyên trị bệnh; 3/ Chính thức trị bệnh.

Từ câu: “Thầy thuốc của, v.v...” trở xuống là nói về duyên trị bệnh, có hai: 1/ Nói về đồng; 2/ Nói về khác. Về đồng lại gồm có ba: 1/ Đồng sinh nghiệp; 2/ Đồng học nghiệp; 3/ Đồng duyên giáo hóa. Thứ nhất là đồng sinh nghiệp.

Tức nói Như Lai gá sinh vào cung vua, cưới vợ sinh con, mà chúng sinh chẳng biết học hỏi, lại ngã mạn cống cao.

Kế là, đồng học nghiệp.

Cưỡi xe dê đến thầy học tập, thí võ ở vườn sau, cưỡi ngựa vượt thành, cỡi bỏ mũ báu, đến A-la-la, sáu năm khổ hạnh, v.v... Bốn mươi tám năm: Kinh A hàm nói: “Theo ngoại đạo tu học, trước phải làm người hầu hạ bốn mươi tám năm, sau đó mới dạy phép tắc”. Pháp Sư Tăng Tông nói rằng: “Hễ Phật ra đời là năm mươi năm, từ Pháp Hoa đến Niết-bàn mới nói về nghĩa bản địa lâu xa, ba thời giáo trước chỉ nói thân này thành Phật, không có thân bản địa nào khác. Nhưng vì kính thầy, cho nên tự nói suốt đời còn là đệ tử của ngoại đạo, nên nói bốn mươi tám năm; chỉ còn lại hai năm từ thời Pháp Hoa đến Niết-bàn, thì có thân bản địa riêng, nên chẳng phải đệ tử”. Cách giải thích này quá sai lầm. Khai Thiện nói: Bốn mươi năm tức bốn Thiên, tám năm tức tám Định. Kinh Niết-bàn bản sáu quyển nói bốn mươi tám năm. Trị Thành nói: Trong tám thiên mỗi thiên có sáu hạnh, tức xa lìa khổ, thô, chướng của cõi dưới mà duyên theo thắng, diệu, xuất của cõi trên, hợp thành bốn mươi tám. Theo Thiên Thai Chỉ Quán thì lấy bốn kiến làm gốc, mỗi kiến có ba giả, mỗi giả có bốn câu, tức mỗi kiến có mười hai câu, bốn kiến thành bốn mươi tám câu, tức bốn mươi tám năm dụ cho bốn mươi

tám năm tà pháp.

Thứ ba, “Cùng vào ra mắt Vua” là nói đồng một duyên giáo hóa.

Nhưng ngoại đạo thật không có trí quán xét căn cơ, chỉ là tà giáo hóa, vì thế nêu lên trước mà nói là đồng.

Kế là từ câu: “Bấy giờ thầy thuốc giỏi, v.v...” trở xuống là nói về khác nhau; có hai ý: 1/ Hơi khác; 2/ Hoàn toàn khác nhau.

Đầu tiên Văn ghi: “Y phương”, nghĩa là như ĐỀ-vị nói năm giới, vì Văn Lâm trao ba quy y, nói kỹ nghệ tức là thần thông, như trong Kinh Thụy Ứng nói. Trị quốc, chữa bệnh tức chỉ ba quy y, phá tà nhập chánh thí như trị quốc. Năm giới đối trị năm ác thí như trị bệnh. Vả lại, quy y và giới đều là pháp phá tà trị ác. “Bấy giờ, vua nghe xong” liền trở về chánh, “đuổi ra khỏi nước” tức bỏ tà theo đúng.

Từ câu: “Bấy giờ thầy thuốc giỏi, v.v...” trở xuống là nói hoàn toàn khác nhau, có hai ý: 1/ Quán căn cơ hoàn toàn khác nhau; 2/ Lập giáo hoàn toàn khác nhau.

Trong phần quán căn cơ thì có hỏi có đáp, nhưng thật ra chẳng hiển rõ sự đối đáp của hai người. Đầu tiên là xin một ước nguyện chỉ là quán căn cơ đầu tiên, kế đó Vua liền đáp, tức là căn duyên đã thâm hợp. Nói cánh tay phải và các phần của thân; tay phải vận động thuận tiện dụ cho vô thường, khổ của giáo xưa, còn các phần khác của thân dụ cho cơ và giáo sau đều là thuận theo, tức đã có ý nghĩa của đại cơ. Lại giải thích tay phải dụ cho ngã kiến, các phần khác dụ cho các hoặc. Cách giải thích này chỉ đúng với giáo đầu tiên. Vị thầy thuốc giỏi nói rằng: Tôi chẳng dám mong cầu nhiều, là quán lại các căn cơ, nhưng chỉ cần một căn cơ của giáo lúc đầu. Nói làm thương tổn nhiều người, tức là từ ngã kiến sinh hoặc, có hại rất lớn. Nếu nghe chánh giáo mà còn chấp Ngã, thì sẽ dứt mất cội lành. Nói chết ngang trái là dùng để dứt trừ hoặc, đó gọi là qua đời, còn hoặc chướng ngại giải gọi là chết ngang trái. Từ câu: “Bấy giờ, vua đáp v.v...” trở xuống là nói chúng sinh được hóa độ, lại truyền nhau điều chưa được nghe, thì hàng căn cơ thượng, trung, hạ đều được ngộ.

Từ câu: “Bấy giờ, vị thầy thuốc giỏi v.v...” trở xuống là chánh thức lập giáo.

Ở đây nêu lên năm vị tức là năm quán môn, cay dụ cho bất tịnh, đắng dụ cho vô ngã; mặn dụ cho Vô thường, ngọt dụ cho không, lạt dụ cho khổ.

Từ câu: “Sau đó không lâu v.v...” trở xuống là chính thức trị bệnh.

Chúng sinh lại khởi bệnh vô thường; trước phá tà thường nên nói giáo nghĩa vô thường, chúng sinh chẳng biết, lại khởi chấp nhất định tất cả đều vô thường, cho nên thành bệnh. Thí như có người si mê cho nai là ngựa, người hiểu biết nói rằng đó là nai chứ chẳng phải ngựa. Tuy biết nai chẳng phải ngựa mà lại chấp “không” là ngựa, nơi nào lại có “không” là ngựa? Cho nên không có ngựa là bệnh. Khởi điên đảo vô thường, lại có nhiều thứ: 1/ Cho quả Phật là vô thường, bệnh này dễ thấy; 2/ Cho sinh tử là vô thường, bệnh này khó thấy, vì sao? Vì sinh tử là Phật tánh chân thường, đã cho là vô thường há chẳng phải bệnh ư? Văn kinh ghi: “Vua lại bị bệnh” tức là chúng sinh bệnh. Văn có hai: 1/ Chánh thức khởi bệnh; 2/ Căn duyên hợp với Phật. Đầu tiên là như văn kinh ghi.

“Liên bảo thầy thuốc này rằng, v.v...” trở xuống là căn duyên hợp với Phật, như sai người đến nói với thầy thuốc. Bản xưa ghi: “Nay ta bị bệnh nặng sắp chết”.

Thứ tư, từ câu: “Thầy thuốc xem bệnh cho vua v.v...” trở xuống là nói về thuốc chân thường có bốn đức ngày nay. Văn có bốn: 1/ Giảng nói; 2/ Chúng sinh chẳng thọ nhận; 3/ Như Lai nói lại; 4/ Chúng sinh mới tin nhận. Văn thứ nhất lại có bốn ý: 1/ Chánh thức nói; 2/ Bỏ quyền; 3/ Bày thật; 4/ Thuốc bệnh trị lẫn nhau. Đầu tiên là Như Lai chánh thức nói về thường.

Kế là, từ câu: “Trước kia tôi nói, v.v...” trở xuống là bỏ quyền.

Bản xưa ghi: “Nói bỏ thuốc sữa là nói dối nghiêm trọng”, nay kinh này đã được hiệu đính thì chỉ nói: “Chẳng phải lời chân thật”, tức nói giáo xưa chỉ vì quyền nghi mà nói, chứ chẳng phải rất ráo.

Từ câu: “Nếu uống vào v.v...” trở xuống là hiển bày thật.

Tức chỉ dạy giáo thường, lạc v.v... ngày nay.

Từ câu: “Hôm nay vua bị nóng bức v.v...” trở xuống là nói thuốc bệnh trị nhau.

Vô thường dụ như lửa, có thể đốt cháy thế gian, nên nói là nóng bức. Nay thuốc viên thường giống như sữa, trị được bệnh nóng.

Từ câu: “Bây giờ, vua bảo thầy thuốc, v.v...” trở xuống là nói chúng sinh chẳng chịu nhận. Tức các Tỳ-kheo nghi chấp ở trước chẳng chịu tin nhận lời nói thường trụ. Văn có bốn là hai ý kinh sợ và hai ý chê trách, tức châm biếm Như Lai khen ngợi ngoại đạo.

Từ câu: “Trước kia thầy nói v.v...” trở xuống là nêu hai ý chê trách.

“Trước thầy nói là độc vì sao nay lại bảo dùng?” Tức là dùng giáo

xưa để chê giáo nay; nay đã bảo dùng sao trước kia lại nói là độc? Tức là dùng giáo này để chê giáo xưa. Xoay vần hai lời này thì thành hai ý chê trách. Nói: “Muốn lừa dối ta ư?” Là hoàn thành ý trên.

Thứ tư, là từ câu: “Như lời thầy nói v.v...” trở xuống là khen ngợi ngoại đạo, như trong văn.

Thứ ba, từ câu: “Bây giờ vị thầy thuốc giỏi v.v...” trở xuống là Như Lai nói lại. Tức phá chấp giải nghi. Văn có bốn ý: 1/ Ngăn chặn lời nói của Vua; 2/ Chánh thức giải nghi; 3/ Hỏi lại; 4/ Đáp. Đây là văn thứ nhất, tức ngăn chặn lời nói của vua.

Từ câu: “Như sâu ăn lá cây, v.v...” trở xuống là chánh thức giải thích, có hai ý là dụ và hợp.

Trong đó, Thể chung là dụ, nay lại vì dụ lập để nói về Ngã mà ngoại đạo gượng chấp, tình cờ đồng với ngã của ta ở đây, nhưng chẳng thể hiểu nghĩa, như sâu ăn lá cây.

Kế là từ câu: Đại vương nên biết v.v...” trở xuống, là hợp dụ, như văn kinh.

Từ câu: “Bấy giờ vua hỏi, v.v...” trở xuống là hỏi lại.

Từ câu: “Thầy thuốc đáp, v.v...” trở xuống là trả lời. Văn có hai: 1/ Nêu lên hai môn; 2/ Giải thích hai môn.

Nêu hai chương môn. Một, là môn thuốc độc tà thường; hai là môn cam lộ chân thường.

Kế là, từ câu: “Vì sao v.v...” trở xuống là giải thích hai môn, có hai: 1/ Giải thích rộng về cam lộ; 2/ Lược giải thích thuốc độc. Sở dĩ như thế là vì đã giải thích rộng về cam lộ, thì trái lại với cam lộ là thuốc độc, đâu cần nói nhiều. Giải thích cam lộ có ba ý là nêu lên, giải thích và kết luận. Đầu tiên là nêu lên, rất dễ hiểu.

Xưa giải thích bảy việc: Việc thứ nhất. Vốn nói sữa mà lại nói là bò, vì muốn nói sữa từ bò sinh ra, dụ cho giáo do Đức Phật nói. Ở đây nói bò tức là bò ghé, bấy giờ chẳng cho ăn bã rượu v.v... Về sau trở thành bò lớn, thì cho sữa rất tốt, dụ cho lúc còn làm Bồ-tát chẳng khởi đoạn thường, quả thường chứng được. Các Pháp sư nói bã rượu khiến người mê say, dụ cho ái của năm dục; cỏ trơn, trơn là sắc bén dụ cho lợi sử; trấu cám thì thô nhám dụ cho độn sử. Hưng Hoàng nói rượu là vị chân thật, dụ cho gượng nói cầu chân, thì không được vị chân thật. Lại nói rượu trong nổi bên trên, cặn bã lắng phía dưới, dụ cho đoạn thường, cao thấp. Cỏ trơn lảng dụ cho dục tham, trấu cám dụ cho sân nhuế.

Từ câu: “Bò ghé điều phục, v.v...” trở xuống là việc thứ hai, nói về có quyền thuộc tốt.

Nơi chẵn thả là việc thứ ba, là nói về cảnh giới hình thành chẳng cao chẳng thấp. Hoặc giải thích tâm ngã mạn là cao, tâm ái là thấp; hoặc cho rằng Nhị thừa là cao, phàm phu dục cho thấp.

Uống nước trong sạch, v.v... trở xuống là việc thứ tư, nói chỉ có nước trong sạch Bát-nhã.

Không đùa giỡn chạy nhảy, không chung bầy với bò đực, là việc thứ năm, ngoài dục bò đực là loài bò không thể cho sữa, trong hợp với tri thức xấu ác là người đoạn thường, không thể nào lãnh thọ được giáo pháp Trung đạo viên thường, đó là loại bò đực.

Ăn uống điều hòa là việc thứ sáu, xưa nói nước thiên định dục cho uống, tư lương trí tuệ dục như ăn, tức là nói định tuệ đều thích hợp. Lại nói dùng tuệ phương tiện tự nuôi lớn, chẳng để mất, nên nói là điều hòa.

Đi đứng đúng pháp đúng nơi, là việc thứ bảy. Xưa nói tinh tấn siêng năng là đi, lấy bỏ thích hợp gọi là đứng. Lại nói thường trụ trong Trung đạo bình chánh, nên nói đi đứng đúng pháp.

Kế là từ câu: “Trừ loài sữa này, v.v...” trở xuống là giải thích môn thuốc độc.

Nay cho rằng nghĩa trên chẳng đúng, vì sao? Vì đã nêu cam lộ phá sữa độc, thì lẽ ra phải nói nghĩa Thường phá Vô thường, đâu cần dùng hai sử lợi và độn để giải thích? Lại dùng cỏ trơn, trấu cám để khoe mình mà chê người; lại cao nguyên và vùng thấp đâu khác gì Thanh văn dứt hoặc kiến tư, đâu khác gì với Vô ngã và Ngã sở của Nhị thừa? Điều là vô thường, như thế làm sao phá bệnh. Nay chẳng dùng nghĩa ấy mà giải thích bảy việc như sau:

Bò dục cho Giáo chủ là dục cho Pháp thân, thường thân, thân Lô-xá-na tôn-đặc, khác với thân vô thường một tượng sáu. Sữa dục cho giáo thường, sữa này cũng gọi là Đề hồ. Văn sau nói: “Bò này ăn cỏ nhãn nhục, cho ra đề hồ, tức là nghĩa này. Bã rượu, rượu trong dục cho định vô vi, cặn dục cho định hữu vi. Phật chẳng đấm nhiễm Tam-muội của chân đế như chẳng uống rượu trong, chẳng chấp trước Tam-muội tục đế nên nói chẳng ăn bã rượu. Cỏ trơn trấu cám, trí Nê-hoàn dễ được như cỏ trơn, trí phân biệt khó sinh như trấu nhám. Trí Phật chẳng phải Nhất thiết trí, chẳng phải Đạo chủng trí. Bò ghé điều phục thì được lý Trung đạo, nhu hòa, thuần thiện. Chẳng ở cao nguyên, chẳng ở nơi thấp, tức chẳng chứng Niết-bàn, chẳng sống trong sinh tử. Uống nước trong sạch thì chẳng phải bần lầy năm dục, chẳng phải cặn dục vô minh, xa lìa hai bên này tức là nước trong sạch Phật tánh; chẳng theo không chân;

chẳng đến tục giả. Chẳng cùng bày với bò đực, bò đực chẳng cho sữa, dụ cho không có từ bi để nói Phật có từ bi bất cộng. Ăn uống điều hòa, vào không thì đói, ra giả thì no, Trung đạo thì chẳng vào, tức chẳng đói chẳng no. Đi đứng đúng phép, đứng nơi, tức trụ trong tạng bí mật là đứng đúng nơi, hai chim cùng bay là đi đúng phép. Giải thích như thế là phù hợp với kinh, với nghĩa. Thường phá vô thường, văn lý đều hợp, đâu thể đồng với cách giải thích khác?

Từ câu: “Bấy giờ Đại vương v.v...” trở xuống là nói chúng sinh được giáo hóa, có bốn ý: 1/ Thọ nhận giáo hóa là truyền bá; 2/ Những người khác chẳng tin nhận; 3/ Nói lại; 4/ Mới tin nhận.

Văn kinh, đầu tiên là nói tự mình tin nhận, sau là truyền cho mọi người, tức là người thượng căn đã được tuệ giải thì truyền trao hóa độ hàng trung căn hạ căn, khiến cho đều được ngộ.

Kế là, từ câu: “Người trong nước nghe, v.v...” trở xuống là nói hàng trung hạ chẳng tin nhận.

Từ câu: “Vua nói, v.v...” trở xuống là một lần nữa truyền trao hóa độ.

Từ câu: “Bấy giờ vua, v.v...” trở xuống là nói hàng thượng, trung, hạ căn đồng thời lãnh ngộ.

Kế là từ câu: “Tỳ-kheo các thầy v.v...” trở xuống là hợp dụ hai thuốc hai bệnh vốn có nói ở trên. Trong phần hợp thuyết này chỉ hợp với hai thứ thuốc, chẳng hợp hai thứ bệnh. Vì sao? Vì vốn nghi kinh giáo có thuyết và không thuyết. Tức nếu giáo xưa chẳng đúng thì chẳng cần nói; nếu giáo nay đúng thì sao chẳng nói sớm hơn? Nay dùng ý này để dứt nghi. Vì tà thường nên chẳng được nói sớm, nay dùng Thường phá bệnh tà thường, cho nên chỉ được nói xưa không vô thường nay hợp thẳng, khiến hiểu được giáo môn, cho nên chẳng nói bệnh.

Văn Kinh, đầu tiên là hợp với thuốc vô thường, sau là hợp với thuốc chân thường. Trong ví dụ trên, trước nói về đầu tiên thì đồng, sau nói về cuối cùng khác nhau. Nay cũng hợp đầy đủ hai ý, cho nên trước hợp với đồng.

Ở đây nói Như Lai là Đại y vương, là hợp với thầy thuốc giỏi ở trước, hiểu rõ tám thuật. Xuất hiện ở thế gian là hợp với từ phương xa mà đến.

Kế là, từ câu: “Hàng phục tất cả, v.v...” trở xuống là hợp với sự khác nhau. Đầu tiên là hợp với dần dần khác nhau, tức là hợp với các lời: “Cùng vào ra mắt vua, nói các phương thuốc, các nghề nghiệp trị nước, chữa bệnh v.v...” ở đoạn trên.

Kế là, từ câu: “Muốn hàng phục ngoại đạo” v.v... trở xuống là hợp với đốn khác nhau, tức là ý của giáo này.

Vô ngã, vô thường hợp với các vị thuốc cay, đắng, mặn, ngọt, lạt hòa hợp với nhau.

Kế là, từ câu: “Các Tỳ-kheo nên biết, v.v...” trở xuống là hợp với ý của giáo này, tức kết luận lỗi của ngoại đạo nêu ở trước.

Kết luận giáo này là đúng.

Vì điều phục chúng sinh, vì đúng thời cho nên phải nói Vô ngã.

Một câu “Vô ngã như thế”, gồm có hai cách giải thích: 1/ Lời này thuộc về ý sau; 2/ Lời này còn thuộc về ý trước, vì là giáo chân thường nên hợp với giáo sau. Văn có ba:

Một là, chánh thuyết.

Hai là, phân biệt lỗi của ngoại đạo. Ba là, nói sự chân thật của Như Lai.

